ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VĂN MIẾU-QUỐC TỬ GIÁM **TRẠM Y TẾ** Số: 163 /QĐ-TYT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Văn Miếu-Quốc Tử Giám, ngày 11 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua thuốc năm 2026-2027 của Trạm Y tế phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám

GIÁM ĐỐC TRẠM Y TẾ PHƯỜNG VĂN MIẾU-QUỐC TỬ GIÁM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ Tài chính: Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2024/NQ-HDND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định về việc quy định một số thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Tờ trình của Tổ chuyên gia ngày 31 tháng 7 năm 2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua thuốc năm 2026-2027 của Trạm Y tế phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám;

Căn cứ Biên bản họp ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng thuốc và điều trị Trạm Y tế phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám về thống nhất danh mục, số lượng, nhu cầu sử dụng thuốc thuộc kế hoạch đấu thầu thuốc tại cơ sở năm 2026-2027(12 tháng);

Xét đề nghị của Phụ trách phòng Hành chính-Tài chính-Nhân sự, Phụ trách phòng Kế hoạch nghiệp vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua thuốc năm 2026-2027 của Trạm Y tế phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám với với nội dung chi tiết theo phụ lục 1 và phụ lục 2 đính kèm.

Điều 2. Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu của Trạm Y tế phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt tại Điều 1 đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Hội đồng thuốc và điều trị, Tổ chuyên gia và các bộ phận liên quan của Trạm Y tế phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 2,3;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chí Thành

Phụ lục 2: DANH MỤC THUỐC

Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: mua thuốc năm 2026-2027 TRẠM Y TẾ PHƯỜNG VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM

(Kèm theo Quyết định số: 163/QĐ-TYT ngày 11 tháng 8 năm 2026 của TRẠM Y TẾ PHƯỜNG VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM)

I. Gói số 01: Gói thầu thuốc generic

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VND)	Tổng giá trị (VND)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Giá trị tùy chọn mua thêm
1	Diazepam	N1	5mg	Uống	Viên nén	Viên	300	1930	579000	90	173700
2	Morphin	N4	10mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	10	7000	70000	3	21000
3	Glucosamin	N4	500mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	10000	315	3150000	3000	945000
4	Cinnarizin	N1	25mg	Uống	Viên nén	Viên	5000	700	3500000	1500	1050000
5	Diphenhydramin hydroclorid	N4	10mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	300	1050	315000	90	94500
6	Aciclovir	N4	5%/5g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	100	2950	295000	30	88500
7	Fenticonazol	N1	200mg	Đặt âm đạo	Viên nang mềm đặt âm đạo	Viên	500	21000	10500000	150	3150000
8	Levofloxacin	N4	0.5%, 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	400	7854	3141600	120	942480
9	Metronidazol + neomycin + nystatin	N1	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Viên	3000	11880	35640000	900	10692000
10	Spiramycin + Metronidazol	N2	750.000IU + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	8000	1800	14400000	2400	4320000

11	Sulfadiazin bạc	N4	1%/20g	Dùng ngoài	Kem bôi da	tuýp	20	22575	451500	6	135450
12	Amlodipin + indapamid	N1	5mg + 1,5mg	Uống	Viên nén giải phóng kiểm soát	Viên	30000	4987	149610000	9000	44883000
13	Amlodipin + indapamid	N1	10mg + 1,5mg	Uống	Viên nén giải phóng kiểm soát	Viên	7000	4987	34909000	2100	10472700
14	Enalapril + Hydroclorothiazid	N4	20mg + 6mg	Uống	Viên nén	Viên	20000	2900	58000000	6000	17400000
15	Bezafibrat	N1	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	40000	4500	180000000	12000	54000000
16	Fenofibrat	N4	200mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	30000	390	11700000	9000	3510000
17	Metoprolol tartrate	N1	25mg	Uống	Viên nén	Viên	110000	1880	206800000	33000	62040000
18	Nicorandil	N4	5mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	20000	1575	31500000	6000	9450000
19	Perindopril	N2	4mg (dạng muối)	Uống	Viên nén	Viên	62000	668	41416000	18600	12424800
20	Perindopril	N1	5mg (dạng muối)	Uống	Viên nén bao phim	Viên	40000	5028	201120000	12000	60336000
21	Perindopril + Amlodipine	N1	3,5mg (dạng muối) + 2,5mg	Uống	Viên nén	Viên	38000	5960	226480000	11400	67944000
22	Perindopril + Amlodipine	N1	7mg (dạng muối) + 5mg	Uống	Viên nén	Viên	22000	6589	144958000	6600	43487400
23	Perindopril + indapamid	N2	4mg (dạng muối)+ 1,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5000	1600	8000000	1500	2400000

24	Perindopril + indapamid	N1	5mg (dạng muối)+ 1,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	14000	6500	91000000	4200	27300000
25	Telmisartan + hydroclorothiazid	N2	40mg+ 12,5mg	Uống	Viên nén	Viên	20000	848	16960000	6000	5088000
26	Trimetazidin	N2	35mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng biến đổi	Viên	200000	439	87800000	60000	26340000
27	Trimetazidin	N2	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	130000	240	31200000	39000	9360000
28	Fusidic acid + betamethason	N1	2%+0,1%/15g	Dùng ngoài	Kem	Tuýp	50	98340	4917000	15	1475100
29	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat + nhôm hydroxyd	N4	2,5g + 0,3g + 0,2g	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Gói	20000	1449	28980000	6000	8694000
30	Bacillus clausii	N4	2x10^9 CFU/5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Ống	10000	5460	54600000	3000	16380000
31	Diosmectit	N1	3g	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	200	4082	816400	60	244920
32	Diosmin + hesperidin	N2	450mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	30000	1100	33000000	9000	9900000
33	Dexamethason + Neomycin + Polymycin B	N1	(1mg+ 3500IU + 6000IU)/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Lọ	200	41800	8360000	60	2508000
34	Gliclazide	N4	60mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	40000	590	23600000	12000	7080000
35	Betahistin	N2	24mg	Uống	Viên nén	Viên	5000	2300	11500000	1500	3450000
36	Natri hyaluronat	N4	0.1%/ 6ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	1000	25000	25000000	300	7500000
37	Diazepam	N4	10mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống	30	8000	240000	9	72000

38	Budesonide	N4	64mcg/liều x 120 liều	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Lọ	1000	82000	82000000	300	24600000
39	Codein camphosulphonat + sulfoguaiacol + cao mềm Grindelia	N1	25mg + 100mg + 20mg	Uống	Viên nén bao đường	Viên	5000	3585	17925000	1500	5377500
40	N-acetylcystein	N2	200mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	20000	678	13560000	6000	4068000
41	Salbutamol	N1	100mcg/liều x 200 liều	Xịt mũi	Thuốc hít định liều	Chai/lọ/bình	200	50000	10000000	60	3000000
42	Natri clorid	N4	0,9%/500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	chai	400	8100	3240000	120	972000
43	Natri clorid + Kali clorid + Natri citrat + Glucose khan	N4	0,7g + 0,3g + 0,58g + 4g	Uống	Thuốc bột pha dung dịch uống	Gói	30000	1600	48000000	9000	14400000
44	Ringer lactate	N4	500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	chai	100	10500	1050000	30	315000
45	Vitamin B1 + B6 + B12	N4	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	50000	990	49500000	15000	14850000
46	Vitamin B6 + magnesi lactat	N2	5mg + 470mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	40000	364	14560000	12000	4368000
47	Vitamin C	N4	500mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	40000	198	7920000	12000	2376000
48	Oxytocin	N1	5UI	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	60	12900	774000	18	232200
49	Bromhexin hydrochlorid	N1	8mg	Uống	Viên nén	Viên	6000	475	2850000	1800	855000
50	Ketoconazol	N2	2%, tube 15g	Kem bôi da	Kem	Tuýp	60	48000	2880000	18	864000

51	Ambroxol hydrochloride	N1	30mg	Uống	Viên nén	Viên	30000	1750	52500000	9000	15750000
52	Acarbose	N2	100mg	Uống	Viên nén	Viên	20000	3843	76860000	6000	23058000
53	Metformin hydrochloride	N4	1000mg	uống	Viên nén	viên	100000	916	91600000	30000	27480000
Cộng: 53 mặt hàng thuốc									**2,259,727,500**		

II. Gói số 02: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Tổng giá trị (VND)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Giá trị tùy chọn mua thêm
1	Actiso,Rau đắng đất, Bìm bìm biếc	N1		Uống	Viên	Viên	**80,000**	650	52,000,000	24000	15,600,000
2	Kim tiền thảo, Râu mèo	N3		Uống	Viên nang	Viên	**50,000**	1320	66,000,000	15000	19,800,000
3	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng,	N3		Uống	Viên nang	Viên	**150,000**	2380	357,000,000	45000	107,100,000
4	Đinh lăng, Bạch quả	N3		Uống	Viên	Viên	**100,000**	189	18,900,000	30000	5,670,000
5	Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn	N3		Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai	**2,000**	18390	36,780,000	600	11,034,000
6	Thục địa, Hoài sơn, Trạch tả, Cúc hoa, Thảo quyết minh, Hạ khô thảo, Hà thủ ô đỏ, Đương quy	N3		Uống	Viên nang	Viên	**10,000**	650	6,500,000	3000	1,950,000
7	Ô đầu, Địa liền, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân,	N3		Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Lọ	**4,000**	18000	72,000,000	1200	21,600,000
Cộng: 07 mặt hàng thuốc									**609,180,000**		
Tổng Cộng: 60 mặt hàng thuốc									**2,868,907,500**		

Phụ lục 1: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua thuốc năm 2026 - 2027 của TRẠM Y TẾ PHƯỜNG VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM

(Kèm theo Quyết định số: 163/QĐ-TYT ngày 11 tháng 8 năm 2026 của TRẠM Y TẾ PHƯỜNG VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM)

Stt	Tên gói thầu		Tóm tắt công việc chính của gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu											
1	TRẠM Y TẾ PHƯỜNG VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM	Gói số 01: Gói thầu thuốc generic	Cung ứng thuốc generic	2.259.727.500 VND	Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý III/ 2026	Quý III/ 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Tối đa 30%	Không đề xuất
2	TRẠM Y TẾ PHƯỜNG VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM	Gói số 02: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền	Cung ứng thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền	609.180.000 VND	Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý III/ 2026	Quý III/ 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Tối đa 30%	Không đề xuất
3	TRẠM Y TẾ PHƯỜNG VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM	Gói thầu số 3: Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT	Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT	30.000.000 VND	Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III/ 2026	Quý III/ 2026	Hợp đồng trọn gói	90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng		Không đề xuất
4	TRẠM Y TẾ PHƯỜNG VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM	Gói thầu số 4: Tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	18.000.000 VND	Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III/ 2026	Quý III/ 2026	Hợp đồng trọn gói	90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng		Không đề xuất
Tổng cộng:				**2.916.907.500 VND**									

(Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm mười sáu triệu, chín trăm linh bảy nghìn, năm trăm đồng /.).